

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM	<u>LÊ</u>	<u>QUANG</u>	<u>DAT</u>
	Last	Middle	First
Current Address	<u>10/1 Ấp Đình, T. 7, An Khánh, Thủ Đức</u>		
Date of Birth	<u>18 July 1943</u>	Place of Birth	<u>Phước Tuy (P)</u>
Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position)	<u>Captain, MI, S2 Section Chief</u>		
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP	Dates : From <u>JUN 21 - 1975</u> To <u>FEB 2 - 1984</u>		
3. SPONSOR'S NAME:	<u>None</u>		
	Name		
	Address & Telephone		
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.			
	Name, Address & Telephone	Relationship	
	<u>Lê Thị Đức, - - - - - Herndon - V.A. 22070, USA.</u>	<u>Younger Sister</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: APR 22 - 1989

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

[illegible]

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

None

ADDITIONAL INFORMATION : I have submitted the application for my family to Bangkok ODP office since 1984. But I have neither received a reply nor a LOI.

May I submit this application again with a view to first of all praying you to help me to get a LOI as soon as possible.

I should appreciate it if you would accept my appeal.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM	LE	QUANG	DAT
	Last	Middle	First
Current Address	10/1 ấp Đình, Tổ 7, An Khánh - Thủ Đức		
Date of Birth	18 JULY 1943	Place of Birth	Phước Tuy (P)
Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position)	Captain, ME, S2 Section Chief		
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP	Dates : From JUN 21-1975 To FEB 2-1984		
3. SPONSOR'S NAME:	None		
	Name		
	Address & Telephone		
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.			
	Name, Address & Telephone	Relationship	
	Lê Thị Đức, Herndon, VA 22070	Younger Sister	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: APR 22-1989

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE - QUANG - DAT
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
PHAM - THI - PHUOC	DEC 14-1945	Spouse
LE QUANG BA O - THONG	FEB 14-1970	Son
LE THANH THUY NGOC	AUG - 19 - 1972	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

None

ADDITIONAL INFORMATION :

I have submitted the application for my family to Bangkok ODP office since 1984. But I have neither received a reply nor a LOR.

May I submit this application again with a view to first of all praying you to help me to get a LOI as soon as possible.

I should appreciate it if you would accept my appeal.

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ QUANG ĐẠT
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH :
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : X Female (Nu) : _____
 MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : X
 (Tinh trang gia dinh) :
 ADDRESS IN VIETNAM : 10/1 ấp Đình, Tổ 7, An Khánh, Thủ Đức
 (Dia chi tai Viet-Nam) Thị trấn HO CHI MINH
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) X No (Khong) _____
 If Yes (Neu co) : From (Tu) : JUN 21 1975 To (Den) : FEB 2 1984
 PLACE OF RE-EDUCATION : HOC MÔN, LONG GIÀO, SÚỐI MÀU, YÊN BAI, LÃO KAI, VINH PHU
 CAMP (Trai tu) HÀM TÂN
 PROFESSION (Nghe nghiep) : English Preceptor
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : None
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : Captain, MI
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : Sq Section Chief Date (nam) : 197X
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : X
 IV Number (So ho so) : unknown
 No (Khong) : _____
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 03
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi t
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 10/1 ấp Đình An Khánh
Thủ Đức
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro)
Le Thi Đức, Herndon V.A. 22070 U.S.A.
 U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : X No (Khong) : _____
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : Sister
 NAME & SIGNATURE : PSL
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____
 DATE : APR 22 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

LÊ QUANG DAT

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
PHAM THI - PHUOC	DEC 14-1945	Spouse
LE QUANG BAO - THONG	FEB 14-1970	Son
LE THANH THUY NGOC	AUG 19-1972	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

None

ADDITIONAL INFORMATION :

* My spouse was also a female noncommissioned officer, Air force 1st Staff Sergeant. She had been serving for the VN Air-Force 5th Division/ Tan Son Nhut Air Base for ten years (1965-1975)

* We have been in unhappy situation. We pin our hopes on your whole-hearted assistances to help us out of difficulties

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ QUANG DAT

DATE, PLACE OF BIRTH : JULY 18 1943 PHUOC TUY
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 10/1 ấp Đình, Tổ 7, An Khánh, Thủ Đức
(Dia chi tai Viet-Nam) Th. PHỐ HO CHI MINH

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): JUN 21 - 1975 To (Den): FEB 2 - 1984

PLACE OF RE-EDUCATION: HỒC MÔN, LONG GIAO, SƯỜI MÁU, YÊN BAI, LÃO KAI, VINH PHU
CAMP (Trai tu) HÀM TÂN

PROFESSION (Nghe nghiep): English Preceptor

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): None

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Captain, ME

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): 2d Section Chief
Date (nam): 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): unknown
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 03
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi t

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 10/1 ấp Đình, Tổ 7, An Khánh
Thủ Đức

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Lê Thị Đức, ---, Herndon V.A. 22070 - U.S.A.

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Sister

NAME & SIGNATURE: [Signature]

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: APR 22 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE QUANG DAT
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
PHAM - THI - PHUOC	DEC 14 - 1945	Spouse
LE QUANG BAU THONG	FEB 14 - 1970	Son
LE THANH THUY NGOC	AUG 19 - 1972	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

None

ADDITIONAL INFORMATION :

* My spouse was also a female noncommissioned officer, Air Force 1st Staff Sergeant. She had been serving for the VN Air Force 5th Div, Tan Son Nhut Air Base for ten years (1965-1975).
* We have been in unhappy situation. We pin our hopes on your whole-hearted assistances to help us out of difficulties.

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # _____

Date:

Ngày: APR 22-1989

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : LÊ - QUANG - ĐAT Sex:
Phái M
2. Other Names
Họ, tên khác : None
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 18 JULY 1943 Phước Hải (V) Phước Tuy (P)
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 10/1 Ấp Đình, T. 7, An Khánh - THỦ ĐỨC
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 353 Juniper Ct, Herndon - V.A. 22070 USA
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : English Preceptor

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relat Liên-hệ	ship ia-đình
1. PHAM THI - PHUOC	DEC 14-1945	GIA-ĐÌNH	F	M	Spouse	
2. LE QUANG BAO THONG	FEB 14-1970	SAIGON	M	S	Son	
3. LE THANH THUY NGOC	AUG 19-1972	SAIGON	F	S	Daughter	
4.						
5.						
6.						
7.						
8.						
9.						
10.						
11.						
12.						

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	: LÊ - THỊ ĐỨC	PHAM - THỊ - MAI
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	: Younger Sister	Younger Sister
c. Address Địa-chỉ	: Herndon, VA 22070, USA	Wichita Falls, TX, 76308, U.S.A.
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	: 1972	1982
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác	None	
a. Name Họ, tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	: LÊ - VĂN - DIỆU (D)
2. Mother Mẹ	: NGUYỄN - THỊ - TÀI (D)
3. Spouse Vợ/Chồng:	: PHAM - THỊ - PHƯỚC
4. Former Spouse (if any), Vợ/Chồng trước (nếu có):	None
5. Children Con cái:	(1) LÊ - QUANG - BAO THONG
	(2) LÊ THANH THUY NGOC
	(3)
	(4)
	(5)
	(6)
	(7)
	(8)
	(9)
6. Siblings Anh chị em:	(1) LÊ - THỊ - NHÂN
	(2) LÊ THỊ - TRI
	(3) LÊ QUANG ĐẠO
	(4) LÊ THỊ ĐỨC
	(5) LÊ CHỊ THIÊN
	(6) LÊ TRUNG TÂN
	(7) LÊ TRI HIỀN
	(8)
	(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sứ của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : LE QUANG DAT

Position title
Chức-vụ : Interrogation Officer and Counter-intelligence officer

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : 9th Military Intelligence Detachment / 9th Inf. Div. US ARMY

Length of Employment
Thời-gian làm-việc From: JUL 1967 To: SEP-1970
Từ Tối

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: John Haseman, Captain, MI, US 9th MID
ALBERT P. JAMES, Captain, MI, US 9th MID.

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : The US 9th Infantry Division went home in SEP-1970

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment
Thời-gian làm việc From: _____ To: _____
Từ _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment
Thời gian làm việc From: _____ To: _____
Từ _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc: _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chính-phu Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: LE QUANG DAT

2. Dates:
Ngày, tháng, năm From: FEB 21 - 1966 To: APR 30 - 1975
Từ Tối

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Captain, MI Serial Number: _____
Số thẻ nhân-viên: _____

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đồn-Vị Binh-Chung : 9th MID / US 9th Inf. Div. (from Jul 67 to SEP 1970)
Cay Mai Military Intelligence Training School and
Dat Do Sub. Sector

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : NGUYEN-VINH-THIEP, Lt Colonel, MI
HUYNH-BUU SON

6. Reason for Separation : APRIL 1975 EVENT in Vietnam
Lý do nghỉ việc :

7. Names of American Advisor(s): UNKNOWN
Họ tên cố-vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam: Interrogation Officer Training Course at CICV
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ tại Viet-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: REM-V (Medal) Date received: 1969
Phân-thưởng hoặc giấy khen: Four Certificates from U.S. 3rd Inf. Brigade Colonel, C.O. Ngày nhận: 1968, 1969, 1970

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes X No .)

(CHU-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-thủ nếu có.

Đồng sự có không? Có Không .)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc None

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates: From To
Ngày, tháng, năm Từ: Đến:

4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học :

5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)

(CHU-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không .)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : LÊ QUANG DAT

2. Time in Reeducation: From: JUN 21-1975 To: FEB 2-1984
Thời gian học-tập Từ: Đến:

3. Still in Reeducation?* Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có Không X

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

I was an ARVN M.I officer, member of the ARVN 14th M.I.D. I was attached to the US 9th Inf Div as a Interrogation and Counter-Intelligence officer. I had been closely collaborating with the US 9th MID throughout the operation time of the division within the areas of LONG BINH, BIEN HOA KIEN HOA, MY THO, LONG AN, LONG THANH. My spouse was also a female N.C.O

Signature [Signature]
Ký tên :

Date 1st Staff Sergeant, Air Force
Ngày: APR 22 - 1989

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 4 copies of our birth certificates
- 1 copy of marriage certificate
- 1 copy of my identification card from the US 9th Inf Div Headquarter.
- 4 photos
- 1 copy of Release Certificate.
- 6/88 1 copy of Citizen Right Restoration Decision.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

SỐ: 022217197

Họ tên LÊ QUANG ĐẠT



Sinh ngày 18-7-1943

Nguyên quán Đồng Nai.

Nơi thường trú 10/1 An Khánh
Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGON TRO (KAI)

Sẹo không rõ hình dạngilon
R.0,6cm C.1cm dưới
đuôi mắt trái.

Ngày 8 tháng 5 năm 1987

K/ GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGON TRO (PHAI)

Chanh

Võ Việt Chanh

IDENTIFICATION. CARD

NAME	GRADE	SN ARVN
LE QUANG DAT	2LT	63/123900
IS ATTACH- ED TO THE U.S. 9TH INF DIV AS A(AN) member of 14th MED.		
POSITION		SIGNATURE
ARVN		

9TH DIV FORM 42, 3 JAN 1967

DATE OF BIRTH	HEIGHT	WEIGHT
18 July 1943	1.55 m	47 kg
COLOR HAIR	COLOR EYES	
Black	Black	
SIGNATURE OF ISSUING OFFICER		
<i>Albert P. James</i> CPT, MI, 9th MID		
CARD NUMBER		
A 002312		

Số: 223 / QĐ-UB

Thủ Đức, ngày 24 tháng 05 năm 1985

QUYẾT - ĐỊNH
V/v Phục hồi quyền công dân

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ ĐỨC

- Căn cứ Luật tổ chức Hội Đồng Nhân Dân và Ủy Ban Nhân Dân đã được Quốc Hội thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1960;
- Căn cứ chính sách 12 điểm của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam đối với những người làm việc trong quân đội, chính quyền và các tổ chức chính trị của chế độ cũ;
- Theo đề nghị của Hội Đồng xét quyền công dân,

QUYẾT - ĐỊNH

- ĐIỀU 1:** - Nay phục hồi quyền công dân cho Ông: Lê Quang An
Sinh năm 1945 cấp bậc, chức vụ dưới chế độ cũ
Lưu giữ trong đơn vị
Hiện cư ngụ tại địa chỉ cấp dưới đơn vị
- ĐIỀU 2:** - Ông Lê Quang An được hưởng quyền công dân kể từ ngày 24.05.1985.
- ĐIỀU 3:** - Các Ông Quách Văn Phấn Ủy Ban Nhân Dân quận Chợ Lớn
Trưởng Công an Quận Chợ Lớn và Ủy Ban Nhân Dân Chợ Lớn có trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký. /-

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Dự án sự
- Lưu.

Số: _____
CHUNG NHẬN CÔNG Y DAN CHANH

KHÁNH HÒA

Năm 1985

CHỨC TỊCH

NGUYỄN VĂN THIÊN



Thủ Đức

Trại

Số 120 GRI

--	--	--	--	--	--

SHSLĐ

GIẤY RA TRẠI



Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số

ngày 16 tháng 1 năm

của

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

LÊ QUANG AN

Sinh năm 19

Các họ gọi khác

Nơi sinh

thuộc tuy

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

10/1 khố điện, an Khánh, quận 9, TP. HCM.

Can tội

đội ủy trưởng ban 2 bộ binh

Bị bắt ngày

24/6/75

Án phạt

TTCĐ

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tăng án

lần, cộng thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

an Khánh, chủ lực, tp: HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian cải tạo, cũ có nhiều tiến bộ, lao động có năng lực, học tập về chấp hành nội quy kỷ luật nghiêm

- thời gian quản chế: 12 tháng, (mười hai tháng)

- tiếp tục học tập và lao động đã cấp từ trại về địa phương

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Khai về địa phương

Trước ngày 04 tháng 02 năm 1984

Lên tay ngón trỏ phải

chữ ký

người được cấp giấy

Của LÊ QUANG AN

Danh bản số

Lập tại



CHỦNG NHẬN BẰNG Y BẢN CHÁNH

Khai trình diện tại UBND Phường, xã

Ngày 04 tháng 02 năm 1984

UBND XÃ AN KHÁNH

CHỦ TỊCH



mml

Lê Văn Thanh

VIỆT-NAM CỘNG-HOA

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

Trích-lục văn-kiện thể-vì hộ-tịch lưu trữ tại Phòng Lục-Sự

Toà _____

- Án Phước-Tuy

TOÀ _____

Một bản chánh giấy thể-vì _____

HQRQ. Phước-Tuy

khai-sanh

(1) Ngày _____

do _____ xin cấp đã được

Giấy thể-vì 27-12-1957

O Lê-quang-Dật Chánh-Án Toà _____

cho khai-sanh

Nguyễn-Diên với tư cách Thẩm-Phán Hoà-Giải, lập ngày HQRQ. Phước-Tuy

Lê-quang-Dật

và đã trước-bạ :

27-12-1957

(1) Số _____

4538

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-dịnh ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

1/- Lê-quang-Dật, nam, sinh ngày 18-7-1943 tại làng Phước-hải, Phước-Tuy, là con của Lê-văn-Diệu và Nguyễn-thị-Tài ;

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Lệ phí: _____

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

ngày _____ tháng _____ năm 196 _____
Phước-Tuy CHÍNH LỤC SỰ. 6



Bùi-văn-Tiếp

NAM-PHÂN

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chính Quận Chín

Số hiệu : 87

*

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm ~~bảy mươi~~ - 1970 -

Tên, họ đứa nhỏ	LÊ-QUANG-BẢO-THÔNG
Phái.	Nam
Ngày sanh	Mười bốn tháng hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi
Nơi sanh	Số : 38/2 An-Khánh, Quận 9, Saigon
Tên, họ người Cha	Lê-quang-Đạt
Tuổi.	Hai mươi bảy
Nghề-nghiệp.	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	Số : 10/1 Khóm Đình, Quận 9, Saigon
Tên, họ người Mẹ.	Phạm-thị-Phước
Tuổi.	Hai mươi lăm
Nghề-nghiệp.	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Số : 10/1 Khóm Đình, Quận 9, Saigon
Vợ chánh hay thê	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 17 tháng 02 năm 1970.

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÍNH: H/8b

1970, ngày 17 tháng 02 năm 1970

ST. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN Chín

NGUYỄN VĂN HƯNG

Số hiệu: 380
10 *

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm Bảy Mươi Hai (1972)

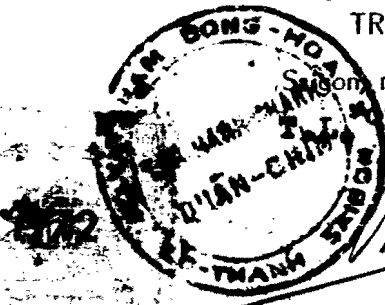
Tên, họ đứa nhỏ	LÊ-THÀNH-THUY-NGỌC
Phái	Nữ
Ngày sanh	Ngày mười chín tháng tám năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai, 8 giờ 30
Nơi sanh.	số-38/2-Phường An-Khánh, Quận-9
Tên, họ người Cha.	Lê-Quang-Đạt
Tuổi	hai mươi chín tuổi
Nghề nghiệp.	Quân-Nhân
Nơi cư-ngụ	10/1-Khóm-Đỉnh, Quận-9
Tên, họ người Mẹ	Phạm-thị-Phước
Tuổi	hai mươi bảy tuổi
Nghề-nghiệp	nội-trợ
Nơi cư-ngụ	10/1-Khóm-Đỉnh, Quận-9
Vợ chánh hay thứ.	Vợ Chánh

Lập tại Saigon, ngày 24 tháng 08 năm 1972

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÍNH:

Saigon, ngày 29 tháng 08 năm 1972

QUẢN-TRƯỞNG QUẬN 9



Chức vụ: Quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT3/P3

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

An Khánh

Xã. Thị trấn :

Thị xã, Quận : Thủ Đức

Thành phố, Tỉnh : Hồ Chí Minh

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 97.
Quyền số //

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	PHẠM THỊ PHƯỚC		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	Ngày mười bốn tháng mười hai năm một ngàn chín trăm bốn mươi lăm (14 - 12 - 1945).			
Nơi sinh	An Khánh Xã, Quận Thủ Đức, Tỉnh Gia Định.			
Khai về cha, mẹ	C H A		M E	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Phạm yển Hạnh		Đường, thị Ngân	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	/		/	
Nơi ĐKNK thường trú	An Khánh Xã.		An Khánh Xã.	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	/			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 22 tháng 8 năm 1979

TM/UBND Xã An Khánh ký tên, đóng dấu

ỦY VIÊN

NGUYỄN VĂN SƠN

Đăng ký ngày 03 tháng 01 năm 1956

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



QUẬN CHÍNH

Số hiệu 39

0

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG Lê-Quang-Dạt

nghề-nghiệp quân-Nhân

sinh ngày 18 tháng 07 năm 1943

// tại Làng Phước-Hải, Phước-Tuy

cư trú tại SAIGON SỐ: 10/1 Khóm Đình

tạm trú tại Phường An-Khánh, Quận Chính.

Tên họ cha chồng Lê-Văn-Điều (Sống)

(Sống g c'ết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Nguyễn-Thị-Tài (Sống)

(Sống c'ết phải nói)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ Phạm-Thị-Phước

nghề-nghiệp Nội-Trợ

sinh ngày 14 tháng 12 năm 1945

// tại An-Khánh-Xã (Gia-Định)

cư trú tại SAIGON SỐ: 10/1 Khóm Đình

tạm trú tại Phường An-Khánh, Quận Chính.

Tên họ cha vợ Phạm-Văn-Hạnh (Chết)

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Dương-Thị-Ngân (Sống)

(Sống chết phải nói)

Ngày lập hôn-thú 28 tháng 11 năm 1969

Vợ chồng khai có hay không //

ngày // tháng // năm //

tại // //

TRÍCH LỤC Y BỔN CHÍNH :

Saigon, ngày 02 tháng 01 năm 1970

QUẬN-TRƯỞNG QUẬN CHÍNH

Viên-Chức Hộ-Tịch,

NGUYỄN-THÀNH-HUONG

N/10



THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ THÀNH PHỐ

Số 963775 CN

Họ và tên chủ hộ : Dương Văn Ngươn

Ấp, ngõ, số nhà : 10/1 ấp đình

Thị trấn, đường phố :

CHỦ NHẬN GIỒNG AN KHÁNH

XUẤT TRÌNH TẠI QUẬN XÃ AN KHÁNH

Huyện, quận :

Ngày 22 tháng 02 năm 1989

QUẬN XÃ AN KHÁNH

70 CHỦ TỊCH

Ngày 10 tháng 03 năm 1988

Trưởng công an

(Ký tên đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK

NGUYỄN VĂN LỢI

MAI T. NGO

WICHITA FALLS, TX. 76310

MSC DALLAS, TX 752

2

SEP 1989

PM



MSC DALLAS, TX 752

2

SEP 1989

MRS KHUC MINH THU

FAMILIES OF VIETNAMESE POL. PRISONERS

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, V.A. 22205-0635

SEP 05 1989

CONTROL

☒ Card
☒ Doc. Request; Form
☐ Release Order
☐ Computer
☒ Form 'D'
☐ ODP/Date 7/87
☐ Membership; Letter

84/15

Le v. Tuan